TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2017
V/v "Yêu cầu tuyên bố không Công nhận mối quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Hồng Thắng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Minh Chánh - Thư ký Tòa án huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "*Yêu cầu tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 488/2, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 488/2, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày: Bà sống chung với ông Nguyễn Văn D năm 1999, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có hai người con là Nguyễn Thị Thiên N (giới tính nữ), sinh ngày 15/4/2000 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/8/2005, hiện nay đang sống với ông D;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không nợ ai.

Sau một thời gian sống chung thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn kéo dài do ông Dũng không lo làm ăn, không quan tâm tới gia đình, cờ bạc và còn đánh đập bà, nên bà đã sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc;

Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa bà với ông D không phải là vợ chồng;

Về con chung: Yêu cầu Tòa án chấp nhận theo nguyện vọng của cháu N và cháu H. Nếu các cháu có nguyện vọng sống với bà thì bà nuôi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết;

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại "Đơn yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt", ngày 22/11/2017, ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông có nhận được thông báo thụ lý của Tòa án tống đạt. Sau khi xem thì ông có ý kiến như sau:

- Về vấn đề hôn nhân: Ông thừa nhận mối quan hệ giữa ông và bà Q không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Q về con chung là đúng. Ông đồng ý nuôi hai cháu N, H và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Mặt khác, do bận làm ăn nên ông xin vắng mặt tại phiên tòa và ông không có ý kiến gì khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục để giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Q:

Về vấn đề hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà Q và ông D là vợ chồng;

Về con chung: Giải quyết cho bà Q được nuôi con chung là cháu N, H và ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do ông D đã có lời khai đầy đủ về các vấn đề của vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn D theo quy định tại Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tòa án huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về vấn đề hôn nhân:

- Việc bà Q yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Văn D không phải là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận vì việc bà Q và ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên mối quan hệ giữa bà Q với ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng (Khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015). Đồng thời, trong quá trình chung sống, giữa bà Q và ông D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu tôn trọng lẫn nhau, quan điểm sống không phù hợp.

Mặt khác ông D cũng thừa nhận mối quan hệ giữa ông D và bà Q không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Bà Q yêu cầu được nuôi con là có cơ sở chấp nhận vì bà Q đảm bảo được các điều kiện về chỗ ở và thu nhập để nuôi con. Đồng thời nguyện vọng của cháu N và H cũng muốn sống với mẹ.

Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông D là không có cơ sở chấp nhận vì hai cháu N và H không có nguyện vọng sống với ông.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Q không yêu cầu nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về vấn đề tài sản chung và nợ chung: Do bà Q và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí:

- Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 7, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1, Điều 14; Điều 15; Khoản 1, Điều 16; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và Gia đình 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Q. Tuyên bố mối quan hệ giữa bà Lê Thị Q với ông Nguyễn Văn D không phải là vợ chồng;

- Về con chung:

Buộc ông Nguyễn Văn D giao cháu Nguyễn Thị Thiên N (giới tính nữ), sinh ngày 15/4/2000 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/8/2005 cho bà Lê Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N và H, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Lê Thị Q không yêu cầu nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về vấn đề tài sản chung và nợ chung: Do bà Q và ông D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết;

- Về án phí:

Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009354, ngày 23/10/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà Q đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện KS
-Chi cục THADS huyện KS
-Tòa án ND tỉnh ST
-UBND xã An Lạc Tây, huyện KS
-Các đương sự
-Lưu HS vụ án